TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/DS-ST
Ngày 06 tháng 4 năm 2023
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Chuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Văn Bào

2, Ông Lê Thanh Miện

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc- Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: Bà Ngô Thị Tươi- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24/3/2023 và 06/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 244/2022/TLST- DS ngày 17/11/2022 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-DS ngày 27/01/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970. Cư trú: Thôn SQ 1, xã LP, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971. Cư trú: Thôn SQ 4, xã LP, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đoàn Văn H, sinh năm 1971. Cư trú: Thôn SQ 4, xã LP, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

+ Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1970. Cư trú: Thông SQ 1, xã LP, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Th: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970. Cư trú: Tổ dân phố số 02, thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

(Bà H có mặt, các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T do bà Nguyễn Thị H đại diện theo ủy quyền trình bày: Giữa gia đình Ông T với vợ chồng ông Đoàn Văn H bà Nguyễn Thị L là người cùng xã. Ông T bà Th có kinh doanh thức ăn chăn nuôi. Bà L nhiều lần mua thức ăn chăn nuôi (cám chăn nuôi) của gia đình Ông T để chăn nuôi lợn vào những năm 2016-2017. Đến ngày 30/5/2017, các bên chốt nợ, vợ chồng ông H Bà L còn nợ Ông T bà Th tổng số tiền 2**.212.070.000** đồng, Bà L có ký vào văn bản chốt nợ. Nhưng sau khi tính toán lại thì xác định tổng số tiền ông H Bà L còn nợ Ông T bà Th là **2.050.862.000** đồng (Trong đó tiền gốc là **1.975.505.000** đồng và tiền lãi **75.357.000** đồng). Nhiều lần Ông T yêu cầu ông H Bà L trả tiền nhưng ông H Bà L không trả.

Nay Ông T yêu cầu vợ chồng ông Đoàn Văn H bà Nguyễn Thị L phải trả Ông T bà Th số tiền **2.050.862.000** đồng và tiền lãi của số tiền gốc **1.975.505.000** đồng theo quy định của pháp luật là 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 01/6/2017 đến khi xét xử sơ thẩm là 05 năm 10 tháng 05 ngày nhưng Ông T chỉ yêu cầu tính lãi trong thời gian 05 năm 09 tháng với tổng số tiền là **1.135.322.500** đồng. Tổng số tiền cả tiền gốc và tiền lãi Ông T yêu cầu Bà L ông H trả là **2.050.862.000** đồng + **1.135.322.500** đồng = **3.186.184.500** đồng. Bà H không đồng ý cho ông H Bà L trả dần cũng như không đồng ý với yêu cầu xin tiền lãi của Bà L.

* Bị đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 24/3/2023: Bà mua cám của Ông T để chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Ngày 30/5/2017, các bên chốt nợ theo đó bà nợ Ông T tổng số tiền 2.212.070.000 đồng (cả tiền gốc và tiền lãi). Chữ ký và chữ viết trong văn bản chốt nợ ngày 30/5/2017 đúng là của bà. Tuy nhiên do làm ăn thua lỗ nên bà xin được trả dần tiền gốc. Ông T yêu cầu nếu thanh toán tiền cám chậm thì sẽ phải chịu tiền lãi, mức lãi suất cụ thể và cách tính lãi như thế nào thì bà không nắm được. Các bên thực hiện việc mua bán cám chỉ thỏa thuận bằng lời mà không ký kết hợp đồng mua bán cụ thể. Nay Ông T yêu cầu vợ chồng bà trả tiền thì bà đồng ý trả và xin trả dần tiền gốc, còn số tiền lãi thì cho bà xin.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Văn H trong quá trình giải quyết vụ án không đến Toà án làm việc và không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị Th do Bà H đại diện trình bày: Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Ông T.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự. Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc ông Đoàn Văn H bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền **3.186.184.500** đồng.

2. Về án phí:

- Buộc ông Đoàn Văn H bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí DSST.

- Hoàn trả ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp (Do bà Nguyễn Thị H nộp thay).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Bị đơn là bà Nguyễn Thị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với Bà L và ông H.

[2]- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Văn T yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Đoàn Văn H trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi **3.186.184.500** đồng. Bà L mua thức ăn chăn nuôi của Ông T để phát triển kinh tế gia đình. Khi có tranh chấp nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết, xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*. Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông T yêu cầu Bà L ông H trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi cả tiền gốc và tiền lãi chốt đến ngày 30/5/2017 là **2.050.862.000** đồng và tiền lãi của số tiền gốc **1.975.505.000** đồng theo mức lãi suất là 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 01/6/2017 đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 06/4/2023) là 05 năm 10 tháng 05 ngày nhưng Ông T chỉ yêu cầu tính lãi trong thời gian 05 năm 09 tháng với tổng số tiền là **1.135.322.500** đồng, tổng số tiền Bà L ông H phải trả là **3.186.184.500** đồng thì thấy: Theo lời trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ thì xác định có việc Bà L mua thức ăn chăn nuôi của Ông T theo văn bản chốt nợ ngày 30/5/2017 thì Bà L ông H nợ Ông T tổng số tiền là **2.212.070.000** đồng, nhưng Ông T đã tính toán lại và xác định đến ngày 30/5/2017, Bà L ông H nợ Ông T tổng số tiền **2.050.862.000** đồng (Trong đó tiền gốc là **1.975.505.000** đồng và tiền lãi **75.357.000** đồng). Bà L đồng ý trả số tiền gốc theo yêu cầu của Ông T và xin trả dần. Còn đối với số tiền lãi thì Bà L đề nghị Ông T cho bà xin. Bà H đại diện cho Ông T bà Th không đồng ý với ý kiến và đề nghị của Bà L. Theo lời trình bày của Bà H, Bà L và các tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án thì xác định trường hợp Bà L chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu tiền lãi tương ứng với số tiền gốc chưa trả. Bà L mua cám về phát triển kinh tế của gia đình nên buộc ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng Bà L theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật dân sự và Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà H đại diện cho Ông T bà Th yêu cầu Bà L ông H phải thanh toán cho Ông T bà Th tổng số tiền **3.186.184.500** đồng là có căn cứ và được chấp nhận theo quy định tại Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự.

[4]- Về án phí:

- Bà L và ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật do yêu cầu khởi kiện của Ông T được chấp nhận.

- Hoàn trả Ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 288, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự. Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Đoàn Văn H phải trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Th số tiền **3.186.184.500** đồng.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị L và ông Đoàn Văn H phải chịu 95.723.000 đồng án phí DSST.

- Hoàn trả ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 45.120.000 đồng theo biên lai số 0008456 ngày 17/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Do bà Nguyễn Thị H nộp thay).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa,
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Chuyền